

Số: 856/QĐ-THCS PTH

Gò Vấp, ngày 31 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc thành lập Hội đồng kiểm kê tài sản công

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ PHAN TÂY HỒ

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017;

Căn cứ Quyết định số 213/QĐ-TTg ngày 01 tháng 3 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án tổng kiểm kê tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 114/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ

Căn cứ Quyết định số 798/QĐ-BTC ngày 05 tháng 4 năm 2024 của Bộ Tài chính về ban hành kế hoạch triển khai Quyết định số 213/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tổng kiểm kê tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25/4/2023 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do nhà nước giao cơ sở doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Căn cứ Kế hoạch số 3701/KH-UBND ngày 02 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành về triển khai Đề án tổng kiểm kê tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, thuộc phạm vi quản lý của Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Kế hoạch số 8729/KH-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố về sửa đổi, bổ sung Kế hoạch số 3701/KH-UBND ngày 02 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố;

Căn cứ Kế hoạch số 6573/KH-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp về triển khai Đề án tổng kiểm kê tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, thuộc phạm vi quản lý của UBND quận Gò Vấp;

Xét đề nghị của Công chức phụ trách quản lý tài sản công tại Phiếu trình ngày 29/12/2023 về việc thành lập Hội đồng kiểm kê tài sản.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay thành lập Hội đồng kiểm kê tài sản, gồm các ông (bà) có tên sau đây:

1. Ông Nguyễn Văn Hiền Chủ tịch Hội đồng;
2. Ông: Nguyễn Đình San Ủy viên;
3. Bà: Trần Thị Hoàng Mai Ủy viên;
4. Bà: Nguyễn Hoàng Trang Chủ tịch Công đoàn, Ủy viên.
5. Ông : Mạc Long Quang Ủy viên;
6. Bà Phạm Thị Tường Lan Ủy viên;
7. Nguyễn Thị Kim Hiền Ủy viên;
8. Thiệu Ngọc Đoan Ủy viên
9. Lâm Hoàng Sơn Ủy viên

Điều 2. Hội đồng kiểm kê tài sản có nhiệm vụ như sau:

- Tiến hành kiểm kê số lượng tài sản thực tế hiện còn lưu giữ, sử dụng tại cơ quan tính đến ngày 31/12/2024.
- Điền thông tin tài sản trên phiếu kiểm kê và dán vào tài sản khi đi kiểm kê.
- Căn cứ kết quả kiểm kê tài sản thực tế, Hội đồng kiểm kê tổng hợp, xử lý số liệu kiểm kê, đối chiếu giữa sổ sách kế toán với bộ phận sử dụng.
- Đánh giá tình hình quản lý và sử dụng gồm tài sản thừa, thiếu; chênh lệch số lượng, giá trị giữa sổ sách và thực tế, báo cáo Trưởng phòng.
- Tham mưu cho Trưởng phòng việc quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng, và thanh lý tài sản.
- Hội đồng hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm và tự giải tán sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Các bộ phận có liên quan và các ông (bà) có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Lưu: VT
- Lưu : kế toán.



Nguyễn Văn Hiền

Cơ quan quản lý cấp trên của đơn vị kiểm kê: Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp
Tên đơn vị kiểm kê: Trường THCS Phan Tây Hồ
Mã đơn vị kiểm kê: T03764090
Loại hình đơn vị: Đơn vị sự nghiệp công lập

Mẫu số 01-BB/TSCĐ

BIÊN BẢN KIỂM KÊ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TẠI CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ
(Thời điểm chốt số liệu kiểm kê: 0h ngày 01/01/2025)

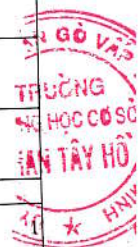
Hôm nay, ngày 07 tháng 05 năm 2025
Tổ kiểm kê gồm:
1. Ông /Bà: Nguyễn Văn Hiền. Chức vụ: Hiệu Trưởng - Tổ trưởng
2. Ông /Bà: Nguyễn Đình San. Chức vụ: Phó Hiệu Trưởng - Tổ phó
3. Ông /Bà: Nguyễn Hoàng Trang. Chức vụ: Chủ tịch công Đoàn - Tổ viên
4. Ông /Bà: Trần Thị Hoàng Mai. Chức vụ: Trưởng ban thanh tra nhân dân - Tổ viên
5. Ông /Bà: Quách Thị Hoài Nam. Chức vụ: Nhân viên văn thư - Tổ viên
6. Ông /Bà: Nguyễn Thị Kim Hiền. Chức vụ: Nhân viên kế toán - Tổ viên
7. Ông /Bà: Mạc Long Quang. Chức vụ: Nhân viên thiết bị - Tổ viên
8. Ông /Bà: Thiệu Ngọc Đoàn. Chức vụ: Nhân viên bảo vệ - Tổ viên
9. Ông /Bà: Lâm Hoàng Sơn. Chức vụ: Nhân Viên bảo vệ - Tổ viên
Đã tiến hành kiểm kê tài sản công là tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị do Trường THCS Phan Tây Hồ quản lý/tạm quản lý, kết quả như sau:

STT	Danh mục tài sản	Mã số tài sản	Năm đưa vào sử dụng	Chỉ tiêu về số lượng				Chỉ tiêu về hiện vật				Chỉ tiêu về giá trị		Tình hình hạch toán		Tình trạng của tài sản	
				Đơn vị tính	Theo sổ kế toán	Theo thực tế kiểm kê	Chênh lệch	Đơn vị tính	Theo sổ kế toán	Theo thực tế kiểm kê	Chênh lệch	Nguyên giá (đồng)	GTCL (đồng)	Đã ghi sổ kế toán	Chưa ghi sổ kế toán	Còn sử dụng được	Hỏng, không sử dụng được
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8) = (7) - (6)	(9)	(10)	(11)	(12) = (11) - (10)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
1	Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp (***)	011		-				-									
1.1	Đất	01101		Khuôn viên				-									
1.1.1	Đất trụ sở làm việc	0110101		Khuôn viên				m2									
1.1.2	Đất công trình sự nghiệp	0110102		Khuôn viên				m2									
	Quyền sử dụng đất, địa chỉ số 535/29 đường Thống Nhất, Phường 16 quận Gò Vấp	01_5016_000001	2013	Khuôn viên	1	1		m2	6.248	6.248		68.043.987.000	68.043.987.000	1		ĐMĐ	
1.2	Nhà	01102		Cái				-									
1.2.1	Biệt thự, công trình đặc biệt	0110201		Cái				m2									
1.2.2	Nhà cấp I	0110202		Cái				m2									
1.2.3	Nhà cấp II	0110203		Cái				m2									
1.2.4	Nhà cấp III	0110204		Cái				m2									
	Nhà số 1, địa chỉ số 535/29 đường Thống Nhất, Phường 16 quận Gò Vấp	01_5016_000002	2008	Cái	1	1		m2	4.560	4.560		5.653.088.221	3.179.658.992	1		ĐMĐ	
	Nhà số 3, địa chỉ số 535/29 đường Thống Nhất, Phường 16 quận Gò Vấp	01_5016_000003	2008	Cái	1	1		m2	2.047	2.047		13.944.003.183	8.366.401.916	1		ĐMĐ	
1.2.5	Nhà cấp IV	0110205		Cái				m2									
	Nhà số 2, địa chỉ số 535/29 đường Thống Nhất, Phường 16 quận Gò Vấp	01_5016_000004	2008	Cái	1	1		m2	979	979		1.284.211.000		1		ĐMĐ	
1.3	Vật kiến trúc	01103		Cái				-									
1.3.1	Kho chứa, bể chứa, bãi đỗ, sân phơi, sân chơi, sân thể thao, bể bơi	0110301		Cái				-									
1.3.2	Giếng khoan, giếng đào, tường rào	0110302		Cái				-									



STT	Danh mục tài sản	Mã số tài sản	Năm đưa vào sử dụng	Chỉ tiêu về số lượng				Chỉ tiêu về hiện vật				Chỉ tiêu về giá trị		Tình hình hạch toán		Tình trạng của tài sản	
				Đơn vị tính	Theo sổ kế toán	Theo thực tế kiểm kê	Chênh lệch	Đơn vị tính	Theo sổ kế toán	Theo thực tế kiểm kê	Chênh lệch	Nguyên giá (đồng)	GTCL (đồng)	Đã ghi sổ kế toán	Chưa ghi sổ kế toán	Còn sử dụng được	Hồng, không sử dụng được
1.3.3	Vật kiến trúc khác	0110303		Cái				-									
	Nhà để xe 1, địa chỉ 535/29 Thống Nhất phường 16 quận Gò Vấp	01_5016_000005	2008	Cái	1	1		-				28.980.000		1		ĐMĐ	
	Nhà để xe 3, địa chỉ 535/29 Thống Nhất phường 16 quận Gò Vấp	01_5016_000006	2008	Cái	1	1		-				18.200.000		1		ĐMĐ	
	Nhà để xe 2, địa chỉ 535/29 Thống Nhất phường 16 quận Gò Vấp	01_5016_000007	2008	Cái	1	1		-				16.020.000		1		ĐMĐ	
	Trụ bóng râm	01_5016_000014	2019	Cái	1	1		-				16.110.000	4.027.500	1		ĐMĐ	
1.4	Công trình điện chưa chuyển giao cho đơn vị điện lực	01104		Công trình				-									
1.5	Công trình xây dựng khác	01105		Công trình				-									
2	Xe ô tô	012		Cái				-									
2.1	Xe ô tô phục vụ công tác các chức danh	01201		Cái				-									
2.1.1	Xe ô tô 4-5 chỗ ngồi	0120101		Cái				-									
2.1.2	Xe ô tô 6-8 chỗ ngồi	0120102		Cái				-									
2.2	Xe ô tô phục vụ công tác chung	01202		Cái				-									
2.2.1	Xe ô tô 4-5 chỗ ngồi	0120201		Cái				-									
2.2.2	Xe ô tô 6-8 chỗ ngồi	0120202		Cái				-									
2.2.3	Xe ô tô 9-12 chỗ ngồi	0120203		Cái				-									
2.2.4	Xe ô tô 13-16 chỗ ngồi	0120204		Cái				-									
2.2.5	Xe ô tô bán tải	0120205		Cái				-									
2.3	Xe ô tô chuyên dùng	01203		Cái				-									
2.3.1	Xe ô tô chuyên dùng trong lĩnh vực y tế	0120301		Cái				-									
2.3.2	Xe ô tô có kết cấu đặc biệt	0120302		Cái				-									
2.3.3	Xe ô tô có gắn thiết bị chuyên dùng hoặc gắn biển hiệu nhận biết	0120303		Cái				-									
2.3.4	Xe ô tô tải	0120304		Cái				-									
2.3.5	Xe ô tô ô tô trên 16 chỗ ngồi	0120305		Cái				-									
2.4	Xe ô tô phục vụ lễ tân nhà nước	01204		Cái				-									
3	Phương tiện vận tải khác (ngoài xe ô tô)	013		Cái				-									
3.1	Phương tiện vận tải đường bộ	01301		Cái				-									
3.2	Phương tiện vận tải đường sắt	01302		Cái				-									
3.3	Phương tiện vận tải đường thủy	01303		Cái				-									
3.4	Phương tiện vận tải hàng không	01304		Cái				-									
3.5	Phương tiện vận tải khác	01305		Cái				-									
4	Máy móc, thiết bị	014		Cái				-									
4.1	Máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến	01401		Cái				-									
	Máy lạnh Alaska (Công suất 2HP)	01_5016_000008	2018	Cái	1	1		-				18.600.000	2.325.000	1		ĐMĐ	
	Máy lạnh Alaska (Công suất 2HP)	01_5016_000009	2018	Cái	1	1		-				18.600.000	2.325.000	1		ĐMĐ	
	Máy lạnh Alaska (Công suất 2HP)	01_5016_000010	2018	Cái	1	1		-				18.600.000	2.325.000	1		ĐMĐ	
	Máy lạnh Alaska (Công suất 2HP)	01_5016_000011	2018	Cái	1	1		-				18.600.000	2.325.000	1		ĐMĐ	
	Máy lạnh đứng Carrier (Công suất 5HP)	01_5016_000012	2012	Cái	1	1		-				22.000.000		1		ĐMĐ	
	Máy lạnh đứng Carrier (Công suất 5HP)	01_5016_000013	2012	Cái	1	1		-				22.000.000		1		ĐMĐ	
	Tivi Samsung 55 inch	01_5016_000015	2024	Cái	1	1		-				11.000.000		1		ĐMĐ	
	Máy vi tính để bàn Intel Core i3-12100 3.30 GHz	01_5016_000016	2023	Cái	1	1		-				14.480.000	8.688.000	1		ĐMĐ	
	Bàn Oval (gỗ 2800 x 1200 x 760)	01_5016_000017	2023	Cái	1	1		-				10.820.000	8.115.000	1		ĐMĐ	

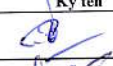
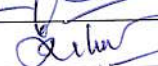
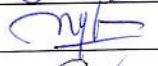
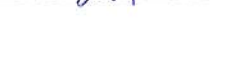
STT	Danh mục tài sản	Mã số tài sản	Năm đưa vào sử dụng	Chỉ tiêu về số lượng				Chỉ tiêu về hiện vật				Chỉ tiêu về giá trị		Tình hình hạch toán		Tình trạng của tài sản	
				Đơn vị tính	Theo sổ kế toán	Theo thực tế kiểm kê	Chênh lệch	Đơn vị tính	Theo sổ kế toán	Theo thực tế kiểm kê	Chênh lệch	Nguyên giá (đồng)	GTCL (đồng)	Đã ghi sổ kế toán	Chưa ghi sổ kế toán	Còn sử dụng được	Hỏng, không sử dụng được
	Máy vi tính để bàn Intel Core i3-12100 3.30 GHz	01_5016_000063	2023	Cái	1	1	-					14.480.000	8.688.000	1		ĐMD	
4.2	Máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung	01402		Cái												ĐMD	
	Khung inox 3 tầng (0.68m x1.6m x4.3m)	01_5016_000019	2018	Cái	1	1	-					33.880.000	1.562.500	1		ĐMD	
	Hệ thống Máy lọc nước (bồn lưu inox, 3 ống lọc, máy bơm panasonic)	01_5016_000031	2007	Cái	1	1	-					19.000.000		1		ĐMD	
	Máy ảnh KTS Nikon 7,4/9v	01_5016_000033	2014	Cái	1	1	-					30.500.000		1		ĐMD	
	Bàn bếp 4 ngăn inox	01_5016_000034	2010	Cái	1	1	-					12.540.000		1		ĐMD	
	Máy giặt Direct drive motor	01_5016_000036	2014	Cái	1	1	-					27.000.000		1		ĐMD	
	Tủ cơm ga T168, Inox 304TM	01_5016_000037	2003	Cái	1	1	-									ĐMD	
	Bảng tương tác 75 inch (kèm theo Máy chiếu vật thể, Máy tính xách tay, Máy chiếu cự ly gần)	01_5016_000047	2020	Cái	1	1	-					198.000.000	74.250.000	1		ĐMD	
	Giường y tế sắt	01_5016_000049	2019	Cái	1	1	-					12.100.000	3.025.000	1		ĐMD	
	Bảng tương tác 75 inch (kèm theo Máy chiếu vật thể, Máy tính xách tay, Máy chiếu cự ly gần)	01_5016_000050	2014	Cái	1	1	-					180.844.510		1		ĐMD	
	Bảng tương tác 75 inch (kèm theo Máy chiếu vật thể, Máy tính xách tay, Máy chiếu cự ly gần)	01_5016_000053	2014	Cái	1	1	-					180.844.510		1		ĐMD	
	Bảng tương tác 75 inch (kèm theo Máy chiếu vật thể, Máy tính xách tay, Máy chiếu cự ly gần)	01_5016_000056	2014	Cái	1	1	-					180.844.510		1		ĐMD	
4.3	Máy móc, thiết bị chuyên dùng	01403		Cái													
	Máy bơm Tohatsu (công suất 15PS/8.6 KW)	01_5016_000039	2014	Cái	1	1	-					12.000.000		1			
	Máy bơm Tohatsu (công suất 15PS/8.6 KW)	01_5016_000042	2019	Cái	1	1	-					11.000.000	2.750.000	1			
	Máy bơm PCCC NA65-250A (công suất 5,5kw)	01_5016_000044	2023	Cái	1	1	-					49.680.000	37.260.000	1		ĐMD	
5	Cây lâu năm, súc vật làm việc và/hoặc cho sản phẩm	015		Cây/Con/Vườn													
5.1	Các loại súc vật	01501		Con													
5.2	Cây lâu năm, vườn cây lâu năm, vườn cây công nghiệp, vườn cây ăn quả	01502		Cây/Vườn													
5.3	Thâm cỏ, cây cảnh, vườn cây cảnh	01503		Cây/Vườn/Thâm													
6	Tài sản cố định đặc thù	016		Cái													
7	Tài sản cố định hữu hình khác	017		Cái													
8	Tài sản cố định vô hình (ngoài giá trị quyền sử dụng đất)	018		Tài sản													
8.1	Quyền tác giả và quyền liên quan đến quyền tác giả	01801		Giấy chứng nhận/ Bảng bảo hộ													



STT	Danh mục tài sản	Mã số tài sản	Năm đưa vào sử dụng	Chỉ tiêu về số lượng				Chỉ tiêu về hiện vật				Chỉ tiêu về giá trị		Tình hình hạch toán		Tình trạng của tài sản	
				Đơn vị tính	Theo sổ kế toán	Theo thực tế kiểm kê	Chênh lệch	Đơn vị tính	Theo sổ kế toán	Theo thực tế kiểm kê	Chênh lệch	Nguyên giá (đồng)	GTCL (đồng)	Đã ghi sổ kế toán	Chưa ghi sổ kế toán	Còn sử dụng được	Hồng, không sử dụng được
	Hệ thống camera RuTjig/Reyce	01_5016_000018	2014	Cái	1	1		-				20.574.400		1		ĐMĐ	
	máy vi tính để bàn Intel Core i3-12100 3.30 GHz	01_5016_000020	2023	Cái	1	1		-				14.480.000	8.688.000	1		ĐMĐ	
	Tivi LG 65 inch	01_5016_000021	2024	Cái	1	1		-				15.000.000	12.000.000	1		ĐMĐ	
	Giường 2 tầng sắt	01_5016_000022	2012	Cái	1	1		-				11.000.000		1		ĐMĐ	
	Máy vi tính để bàn Intel Core i3-12100 3.30 GHz	01_5016_000023	2023	Cái	1	1		-				14.480.000	8.688.000	1		ĐMĐ	
	Tivi Samsung 75 inch (LED4K)	01_5016_000024	2023	Cái	1	1		-				33.870.000	20.322.000	1		ĐMĐ	
	Tủ hồ sơ sắt 2mX 1,5m	01_5016_000025	2013	Cái	1	1		-				14.245.000		1		ĐMĐ	
	Tivi Sony 55 inch (lớp 6/10)	01_5016_000026	2024	Cái	1	1		-				14.740.000	11.792.000	1		ĐMĐ	
	Máy vi tính để bàn Intel Core i3-12100 3.30 GHz	01_5016_000027	2023	Cái	1	1		-				14.480.000	8.688.000	1		ĐMĐ	
	Tủ hồ sơ sắt 2mX 1,5m	01_5016_000028	2015	Cái	1	1		-				13.200.000		1		ĐMĐ	
	Máy vi tính để bàn Intel Core i3-12100 3.30 GHz	01_5016_000029	2023	Cái	1	1		-				14.480.000	8.688.000	1		ĐMĐ	
	Ti vi Samsung 65 inch (UHD)	01_5016_000030	2023	Cái	1	1		-				54.400.000	32.640.000	1		ĐMĐ	
	Máy vi tính để bàn Intel Core i3-12100 3.30 GHz	01_5016_000032	2023	Cái	1	1		-				14.480.000	8.688.000	1		ĐMĐ	
	Máy vi tính để bàn Intel Core i3-12100 3.30 GHz	01_5016_000035	2023	Cái	1	1		-				14.480.000	8.688.000	1		ĐMĐ	
	Máy vi tính để bàn Intel Core i3-12100 3.30 GHz	01_5016_000038	2023	Cái	1	1		-				14.480.000	8.688.000	1		ĐMĐ	
	Tủ hồ sơ sắt 2mX 1,5m)	01_5016_000040	2016	Cái	1	1		-				15.680.000		1		ĐMĐ	
	Máy vi tính để bàn Intel Core i3-12100 3.30 GHz	01_5016_000041	2023	Cái	1	1		-				14.480.000	8.688.000	1		ĐMĐ	
	Tủ hồ sơ sắt 2mX 1,5m)	01_5016_000043	2015	Cái	1	1		-				13.200.000		1		ĐMĐ	
	Máy vi tính để bàn Intel Core i3-12100 3.30 GHz	01_5016_000045	2023	Cái	1	1		-				14.480.000	8.688.000	1		ĐMĐ	
	Tủ hồ sơ sắt 2mX 1,5m)	01_5016_000046	2016	Cái	1	1		-				15.680.000		1		ĐMĐ	
	Máy vi tính để bàn Intel Core i3-12100 3.30 GHz	01_5016_000048	2023	Cái	1	1		-				14.480.000	8.688.000	1		ĐMĐ	
	Máy vi tính để bàn Intel Core i3-12100 3.30 GHz	01_5016_000051	2023	Cái	1	1		-				14.480.000	8.688.000	1		ĐMĐ	
	Máy vi tính để bàn Intel Core i3-12100 3.30 GHz	01_5016_000052	2023	Cái	1	1		-				14.480.000	8.688.000	1		ĐMĐ	
	Máy vi tính để bàn Intel Core i3-12100 3.30 GHz	01_5016_000054	2023	Cái	1	1		-				14.480.000	8.688.000	1		ĐMĐ	
	Máy vi tính để bàn Intel Core i3-12100 3.30 GHz	01_5016_000055	2023	Cái	1	1		-				14.480.000	8.688.000	1		ĐMĐ	
	Máy vi tính để bàn Intel Core i3-12100 3.30 GHz	01_5016_000057	2023	Cái	1	1		-				14.480.000	8.688.000	1		ĐMĐ	
	Máy vi tính để bàn Intel Core i3-12100 3.30 GHz	01_5016_000058	2023	Cái	1	1		-				14.480.000	8.688.000	1		ĐMĐ	
	Tủ hồ sơ sắt 2mX 1,5m	01_5016_000059	2015	Cái	1	1		-				13.200.000		1		ĐMĐ	
	Máy vi tính để bàn Intel Core i3-12100 3.30 GHz	01_5016_000060	2023	Cái	1	1		-				14.480.000	8.688.000	1		ĐMĐ	
	Máy vi tính để bàn Intel Core i3-12100 3.30 GHz	01_5016_000061	2023	Cái	1	1		-				14.480.000	8.688.000	1		ĐMĐ	
	Tủ hồ sơ sắt 2mX 1,5m	01_5016_000062	2015	Cái	1	1		-				13.200.000		1		ĐMĐ	

STT	Danh mục tài sản	Mã số tài sản	Năm đưa vào sử dụng	Chỉ tiêu về số lượng				Chỉ tiêu về hiện vật				Chỉ tiêu về giá trị		Tình hình hạch toán		Tình trạng của tài sản	
				Đơn vị tính	Theo sổ kế toán	Theo thực tế kiểm kê	Chênh lệch	Đơn vị tính	Theo sổ kế toán	Theo thực tế kiểm kê	Chênh lệch	Nguyên giá (đồng)	GTCL (đồng)	Đã ghi sổ kế toán	Chưa ghi sổ kế toán	Còn sử dụng được	Hỏng, không sử dụng được
8.2	Quyền sở hữu công nghiệp	01802		Giấy chứng nhận/ Bằng bảo hộ				-									
8.3	Quyền đối với giống cây trồng	01803		Giấy chứng nhận/ Bằng bảo hộ				-									
8.4	Phần mềm ứng dụng	01804		Phần mềm				-									
8.5	Tài sản cố định vô hình khác	01805		Tài sản				-									

Các thành viên Tổ kiểm kê
(Ký, họ tên)

Họ và tên	Ký tên
Nguyễn Đình San	
Nguyễn Hoàng Trang	
Trần Thị Hoàng Mai	
Quách Thị Hoài Nam	
Nguyễn Thị Kim Hiền	
Mạc Long Quang	
Thiệu Ngọc Đoan	
Lâm Hoàng Sơn	



ngày 2 tháng 1 năm 2025
Tổ trưởng Tổ kiểm kê
(Ký, họ tên)

Nguyễn Văn Hiền

